**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - ĐỊA LÍ 11**

**I. PHẦN LÝ THUYẾT**

**Câu 1. Trình bày vai trò, cơ cấu, sự phân bố ngành công nghiệp Liên Bang Nga?**

a. Vai trò: Là ngành xương sống của nền kinh tế LB Nga.

b. Cơ cấu, phân bố

- Công nghiệp truyền thống:

+ Ngành: Khai thác dầu khí (là ngành mũi nhọn), than, điện, giấy, thép.

+ Phân bố: Đồng bằng Đông Âu, Ural, Tây Xi-bia.

- Công nghiệp hiện đại:

+ Ngành: Điện tử - tin học, hàng không, CN vũ trụ,...

+ Phân bố: Vùng Trung tâm, Ural,...

**Câu 2. Đặc điểm chủ yếu về địa hình của Nhật Bản? Đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế?**

a. Đặc điểm

- Chủ yếu là đồi núi thấp, có nhiều núi lửa.

- Đồng bằng nhỏ, hẹp phân bố ven biển.

- Bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng, vịnh.

b. Thuận lợi

- Phát triển ngành nông nghiệp.

- Xây dựng các hải cảng.

- Ngư trường lớn với nhiều loài cá 🡪Phát triển ngành thủy sản.

c. Khó khăn

- Di chuyển Đ-T

**Câu 3. Đặc điểm cơ bản về khí hậu của Nhật Bản? ảnh hưởng của khí hậu đối với phát triển kinh tế?**

a. Đặc điểm

- Nhật Bản nằm trong khu vực có khí hậu gió mùa, mưa nhiều.

- Phía bắc: Khí hậu ôn đới, mùa đông kéo dài và có nhiều tuyết.

- Phía nam: có khí hậu cận nhiệt đới, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng thường có mưa to và bão.

b. Thuận lợi

- Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

c. Khó khăn

- Phía bắc mùa đông lạnh giá 🡪 Khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt.

- Bão (mùa hạ).

**4. Khái quát về tình hình phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1955 đến nay?**

- Giai đoạn 1955 - 1973 (Giai đoạn thần kì Nhật Bản): Nền kinh tế Nhật Bản khôi phục ngang mức trước chiến tranh và phát triển với tốc độ cao.

- Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm xuống 🡪 do khủng hoảng dầu mỏ.

- Những năm 1986 - 1990: Tốc độ tăng GDP trung bình đạt 5,3 %.

- Từ năm 1991, tốc độ tăng trưởng kinh tế Nhật Bản chậm lại.

- Đến nay, Nhật Bản là nước đứng thứ 2 thế giới về kinh tế sau Trung Quốc.

**5. Đặc điểm cơ bản về ngành công nghiệp Nhật Bản ?**

- Giá trị sản lượng công nghiệp của Nhật bản đứng thứ 2 thế giới sau Hoa Kì.

- Nhiều ngành chiếm vị trí cao trên thế giới:

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng.

- Phân bố: Ngành công nghiệp phát triển mạnh ở vùng duyên hải phía đông trên đảo Honshu.

**Câu 6: Dịch vụ Nhật Bản có gì nổi bật?**

- Là khu vực kinh tế quan trọng (chiếm 68% GDP - năm 2004), thương mại và tài chính là 2 ngành có vai trò hết sức to lớn.

- Nhật Bản đứng hàng thứ tư thế giới về thương mại.

- Ngành giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng, hiện đứng hàng thứ ba thế giới.

- Nhật Bản có ngành tài chính, ngân hàng đứng hàng đầu thế giới, đầu tư ra nước ngoài ngày càng phát triển.

**7. So sánh các đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Miền Đông** | **Miền Tây** |
| Địa hình | Đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ 🡪Phát triển ngành nông nghiệp. | Các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa. 🡪 Khó khăn trong di chuyển và cư trú. |
| Khí hậu | - Cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa 🡪 Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. - Mùa hạ có lượng mưa lớn 🡪 lụt lội ở các đồng bằng. | Ôn đới lục địa khắc nghiệt 🡪 vùng hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn. |
| Sông ngòi | - Hạ nguồn các con sông lớn, nguồn nước dồi dào 🡪 cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất. | Thượng nguồn các con sông lớn 🡪Có giá trị thủy điện. |

**II. PHẦN KỸ NĂNG**

**1. Cho bảng số liệu:**

**SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN BANG NGA QUA CÁC NĂM**

****

a. Vẽ biểu đồ **cột ghép** thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Bang Nga qua các năm.

b. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ.

**2. Cho bảng số liệu:**

**CƠ CẤU DÂN SỐ THEO ĐỘ TUỔI CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM**

****

a. Vẽ biểu đồ **tròn** thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản năm 1950 và năm 2017.

b. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ.

**--- HẾT ---**